

TOÀN CẦU HÓA VÀ XU HƯỚNG HỘI NHẬP KINH TẾ QUỐC TẾ

ThS. KIỀU THỊ THANH *

“Toàn cầu hoá” và “tự do hoá thương mại” là những vấn đề phức tạp không chỉ dưới góc độ kinh tế mà còn gắn với các quan hệ chính trị, ngoại giao, văn hoá, xã hội trong bối cảnh của sự phát triển các quan hệ này giữa các nước trên thế giới ngày càng trở nên phức tạp trong nhiều năm trở lại đây. Chúng đã và đang là những đề tài nghiên cứu nóng bỏng ở nhiều nước trên thế giới, đặc biệt là ở các nước phát triển. Kết quả tất yếu của quá trình này là có nhiều quan điểm chung được chia sẻ cũng như có những luận điểm khác nhau giữa các học giả về chúng. Tuy nhiên, bất kể quan điểm được bộc lộ là ủng hộ hay phản đối toàn cầu hoá - khi mà hiện tại, hầu như không có nước nào trên thế giới không phải là thành viên của một tổ chức, một hiệp hội hoặc một khối thương mại quốc tế nào đó.⁽¹⁾ Người ta phải thừa nhận một điểm chung rằng thế giới của thế kỉ XXI, của thời gian “coming up” là thế giới của sự hội nhập kinh tế khu vực và toàn cầu. Đồng thời, người ta cũng thừa nhận rằng đặc điểm chính của sự phát triển kinh tế thế giới trong thời gian hiện tại và tương lai là dựa trên nền tảng tri thức, sáng tạo ở trình độ cao và điều đó tất yếu dẫn đến những thay đổi lớn trong hệ thống pháp luật, trong chính sách kinh tế của mỗi nước trong cộng đồng quốc tế.⁽²⁾

Toàn cầu hoá kinh tế (thường được gọi tắt là toàn cầu hoá) cùng với người đồng

hành không thể thiếu được của nó là tự do hoá thương mại - với ý nghĩa là mục tiêu then chốt của các mối liên kết, hợp tác phát triển kinh tế giữa các khu vực hoặc thế giới - thực tế đã có một lịch sử hình thành và phát triển tương đối lâu dài trong hoạt động kinh doanh, thương mại quốc tế. Những thoả thuận gắn liền hoặc liên quan đến hoạt động buôn bán, thương mại mang tính chất xuyên qua rào cản biên giới giữa các vùng lãnh thổ trong một quốc gia hoặc giữa các quốc gia - với tâm điểm hướng tới là tự do hoá thương mại - hoàn toàn có thể được xem như điểm xuất phát ban đầu của quan điểm và khái niệm về toàn cầu hoá ngày nay đã tồn tại qua nhiều thế kỉ trong nền kinh tế thế giới với nhiều hình thức biểu hiện phong phú, đa dạng. Chẳng hạn, ở châu Âu, ngay từ giữa thế kỉ XVII, một liên hiệp hải quan giữa các tỉnh đã được đề xuất và hình thành ở Pháp, còn Austria thì đã kí nhiều thoả thuận thương mại tự do với 5 quốc gia láng giềng của nó trong suốt hai thế kỉ XVIII và XIX.⁽³⁾ Còn ở châu Á, tuy điểm xuất phát ban đầu của việc hình thành Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á ASEAN (Association of Southeast Asian Nations) ngày 08/8/1967 là từ sự giải quyết mâu thuẫn, bất đồng về chính sách đối

* Giảng viên Khoa luật dân sự
Trường Đại học Luật Hà Nội

ngoại giữa các nước Indonesia, Philippines, Malaysia, Singapore trong những năm đầu của những năm 1960⁽⁴⁾ nhưng một trong những mục tiêu lớn được xác định ngay từ ngày đầu thành lập tổ chức này, giữa năm nước thành viên sáng lập ban đầu, gồm bốn nước nói trên và Thailand, là nó hoạt động “Vì những tiền bộ kinh tế, văn hoá, xã hội” của các nước thành viên. Dần dần, phát triển và hợp tác kinh tế đã trở thành động lực chính, quyết định sự phát triển các quan hệ kinh tế, xã hội, chính trị khác của khối các nước ASEAN với các thoả thuận kinh tế được xác lập về sau như thoả thuận về khu vực thương mại tự do Asean AFTA (Asean Free Trade Area), thoả thuận về Hiệp định khung về sở hữu trí tuệ giữa các nước Asean (Agreement on the Framework of Intellectual Property). Tương tự như vậy, một số tổ chức khu vực khác như sự thành lập Cộng đồng kinh tế châu Âu (European Economic Community) năm 1957 (sau được đổi thành Cộng đồng châu Âu - European Community và hiện tại là Liên minh châu Âu - European Union) với 6 nước thành viên ban đầu gồm Belgium, France, Germany, Italy, Luxembourg, Netherlands⁽⁵⁾ và trở thành 25 quốc gia thành viên như hiện nay cũng có định hướng ban đầu (và lâu dài) là từ nhu cầu hợp tác, phát triển kinh tế giữa các quốc gia thành viên trong khu vực.

Có rất nhiều lí do và mục đích của sự hợp tác khu vực và thế giới thông qua các tổ chức, các hiệp hội, các khối kinh tế, thương mại quốc tế khác nhau. Một trong những mục tiêu “ngầm” không thể ghi nhận rõ

ràng trong văn bản kí kết thành lập các tổ chức này là nhằm tăng cường sức mạnh cho các thành viên, cho một khối thương mại nào đó trong sự đối trọng hoặc cân bằng với một quốc gia khác, một khối khác hoặc một khu vực khác hoặc thậm chí trên bình diện chung của thế giới. Tuy nhiên, nếu chỉ xét dưới góc độ ngôn ngữ học thông qua việc sử dụng từ ngữ trong các hiệp định,⁽⁶⁾ việc thành lập các tổ chức, các khối, các hiệp hội này thường nhấn mạnh trước hết các lí do kinh tế như nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho sự phát triển các quan hệ buôn bán, xuất nhập khẩu hàng hoá; thu hút đầu tư, tạo cơ hội việc làm và nâng cao thu nhập cho người dân trong khu vực hoặc giữa các nước thành viên; đẩy mạnh hợp tác, phát triển, hội nhập khu vực gắn bó sâu sắc với sự liên kết, hội nhập quốc tế rộng rãi. Tuy nhiên, bên cạnh lí do và động lực kinh tế, các hiệp định cũng thường đề cập một số lí do chính trị - xã hội như bảo đảm an ninh quốc gia và khu vực, bảo đảm dân chủ và thực thi các quyền con người gắn với bối cảnh cụ thể của xã hội ngày càng phát triển, sự phân hoá xã hội ngày càng sâu sắc, trong đó đặc biệt quan trọng là sự tác động của các hoạt động của con người, nhất là thông qua khu vực sản xuất, tới môi trường thiên nhiên đã ngày càng trở thành vấn đề nghiêm trọng, mang lại những tác động tiêu cực nhiều khi không thể lường hết được cho cuộc sống của con người, không chỉ trong phạm vi lãnh thổ của một quốc gia mà đã mang tính chất xuyên quốc gia, tính chất toàn cầu. Các vấn đề này càng trở nên quan trọng hơn bao giờ hết trong điều kiện khoa

học, công nghệ đang được phát triển với tốc độ nhanh chưa từng thấy và các quan hệ kinh tế, chính trị thế giới càng ngày càng trở nên phức tạp như hiện nay.

Một số mô hình nói trên của sự liên kết kinh tế, thương mại khu vực tuy khác biệt với hình mẫu hiện tại của toàn cầu hoá và tự do hoá thương mại về quy mô, tốc độ và phương thức thể hiện nhưng ảnh hưởng, tác động của chúng tới môi trường tự nhiên và môi trường xã hội của các quốc gia, của các khu vực và cuộc sống của con người trên thế giới, nói chung, không có mấy sự khác biệt so với tiến trình toàn cầu hoá, tự do hoá thương mại ngày nay.⁽⁷⁾

Ý tưởng và hình mẫu hiện đại của toàn cầu hoá, của tự do hoá thương mại, của “tương lai của sự hợp tác kinh tế toàn thế giới”, “dẫn tới sự thành lập Quỹ tiền tệ quốc tế bên cạnh nhiều thiết chế thương mại, tài chính khác”⁽⁸⁾ được khởi đầu tại Hội nghị New Hampshire hay theo tên gọi chính thức của nó là Hội nghị tài chính và tiền tệ Liên hiệp quốc UNFMC (United Nations Financial and Monetary Conference) đã diễn ra tại khách sạn Mount Washington ở Bretton Woods, New Hampshire từ ngày 01 đến ngày 22/7/1944.⁽⁹⁾ Đây là thời điểm gần kết thúc của chiến tranh thế giới lần thứ hai với những hậu quả khủng khiếp mà cuộc chiến đó đã mang lại cho loài người dưới các góc độ kinh tế, xã hội. Kinh tế thế giới, đặc biệt là kinh tế châu Âu - tâm điểm của cuộc chiến - trở nên hoang tàn, đổ nát. Trong bối cảnh này, một nhóm các nhà kinh tế, chính trị, tài chính từ các quốc gia hàng

đầu thế giới đã nhóm họp nhằm tìm ra một cách thức mà ý tưởng ban đầu là nhằm khôi phục kinh tế châu Âu, sau đó, khi Hội nghị diễn ra, ý tưởng này đã được chuyển thành mục tiêu tái thiết cả nền kinh tế thế giới đang trong tình trạng bị tàn phá nghiêm trọng bởi chiến tranh. Bên cạnh đó, các nhà tổ chức hội nghị cũng hi vọng về việc tìm ra giải pháp hữu hiệu nào đó có thể ngăn chặn sự suy sụp tiếp theo dường như đã trở nên khó bề cứu vãn của nền kinh tế thế giới khi đó. Ý tưởng về một hệ thống kinh tế mới với mục tiêu thúc đẩy sự phát triển của kinh tế toàn cầu, ngăn chặn những cuộc chiến tranh mới có thể xảy ra, làm giảm đi sự nghèo nàn và đói khổ trên phạm vi toàn thế giới cũng như để tái xây dựng thế giới đã ra đời tại New Hampshire trong khoảng thời gian tương ứng. Các mục tiêu của Hội nghị được luận bàn và duy trì thông qua các uỷ ban khác nhau mà mong muốn cuối cùng là sẽ thoả thuận được về việc thiết lập một số tổ chức, thiết chế kinh tế, tài chính, tiền tệ quốc tế hoạt động rộng khắp thế giới phục vụ cho quá trình tái thiết kinh tế đã được đề ra (cụ thể, có 3 uỷ ban được thành lập với chương trình hoạt động của Uỷ ban I là về Quỹ tiền tệ quốc tế IMF (International Monetary Fund); của uỷ ban II là về Ngân hàng tái thiết và phát triển (Bank for Reconstruction and Development), [sau này, khi ngân hàng này được kí kết thành lập ngày 27/12/1945, chính thức đi vào hoạt động ngày 25/6/1946 với số vốn ban đầu là 12 tỉ USD, nó có tên là Ngân hàng quốc tế về tái thiết và phát triển (International Bank

for Reconstruction and Development), sau đó nó được đổi tên là Ngân hàng thế giới (World Bank) được gọi như ngày nay]; của uỷ ban III là về Phương thức khác của hợp tác tài chính quốc tế (Other Means of International Financial Cooperation).

Sau thời gian trên ít lâu, một thoả thuận mới mang đậm tính thương mại và có mục tiêu hướng tới sự mở rộng tự do thương mại quốc tế đã được kí kết. Cụ thể, năm 1947, đại diện của 23 quốc gia, trong đó bao gồm các quốc gia tương đối giàu có và phát triển trong hoàn cảnh thế giới khi đó là Canada, Pháp, Anh, Mĩ đã kí kết một hiệp định gọi là Thoả thuận chung về thuế quan và thương mại (General Agreement on Tariffs and Trade - thường được gọi tắt là GATT 1947) với những nghĩa vụ và ưu đãi nhất định dành cho các nước thành viên trong lĩnh vực thương mại hàng hoá. Trong suốt lộ trình tồn tại và phát triển của mình từ 1947 đến 1994, GATT 1947 được xem là diễn đàn của các quốc gia thành viên để đàm phán về việc cắt giảm thuế hải quan qua biên giới giữa các quốc gia đó cũng như để điều chỉnh về việc tạo ra những điều kiện thông thoáng hơn cho thương mại hàng hoá phát triển bằng việc xoá bỏ hoặc cắt giảm một số rào cản thương mại khác. Khá nhiều thuận lợi để phát triển quan hệ thương mại, buôn bán hàng hoá nếu là thành viên của GATT 1947 đã dẫn tới việc sau này, nhiều nước phát triển khác của thế giới đã lần lượt trở thành một bên của "hợp đồng thương mại đa phương" này như Italia, Thụy Điển (1949), Đức (1951), Nhật

(1955)... Thậm chí trong suốt thời kì chiến tranh lạnh, hai nước xã hội chủ nghĩa là Liên Xô và Bungari đã rất nỗ lực để có thể trở thành một bên của thoả thuận này⁽¹⁰⁾ còn Trung Quốc thì tiếp tục lại tiến trình xin gia nhập hiệp định sau 08 năm cải cách, đổi mới (1978 - 1986).⁽¹¹⁾ Tuy nhiên, mong muốn của các nước XHCN này đã không thể trở thành hiện thực, bởi những thủ tục buộc phải tuân thủ trong tiến trình gia nhập đã tạo thuận lợi cho các nước đang là thành viên của GATT, theo quan điểm của họ hoặc bị tác động bởi nhân tố bên ngoài, có quyền chống lại sự gia nhập của các quốc gia thuộc một hệ thống kinh tế, chính trị, xã hội khác.

Cho tới những năm gần cuối của thập kỉ 90 của thế kỉ XX vừa qua, trong bối cảnh chính trị thế giới đầy biến động, phức tạp chỉ sau vài năm kết thúc chiến tranh lạnh với sự sụp đổ của Liên bang xô viết và các nước xã hội chủ nghĩa Đông Âu; trong điều kiện kinh tế thế giới có sự tăng trưởng vượt bậc, bao gồm bước phát triển lớn của ngành công nghiệp vận chuyển, với mũi nhọn là ngành vận chuyển hàng không đã thu hẹp đến mức tối thiểu khoảng cách và không gian cách biệt giữa mọi người trên thế giới cũng như đã dẫn tới kết quả làm giảm giá cước vận chuyển ở mức độ đáng kể; khi mà khoa học và công nghệ ở một số nước công nghiệp hoá hàng đầu có tốc độ phát triển vô cùng mạnh mẽ, đặc biệt là bước phát triển nhảy vọt của ngành công nghệ thông tin, với sự ra đời và lan toả hết sức nhanh chóng của mạng internet

kết nối thông tin toàn cầu, với chi phí cho việc sử dụng một số loại dịch vụ bưu chính viễn thông ở một số nước phát triển đã giảm giá tới hàng trăm lần⁽¹²⁾ - tất cả những điều này là thời cơ chín muồi của ý tưởng dùng sức mạnh kinh tế để chi phối các quan hệ, các thiết chế chính trị, xã hội khác. Trong bối cảnh đó, sự thành công của vòng đàm phán cuối cùng của GATT 1947 - Vòng đàm phán Uruguay, diễn ra trong suốt 09 năm từ 1986 đến 1994, tại nhiều thành phố của nhiều nước khác nhau - dẫn đến việc GATT 1947 được thay thế bởi GATT 1994, mà kết quả là việc thành lập Tổ chức thương mại thế giới WTO (hoạt động chính thức từ ngày 01/01/1995) với sức mạnh và quyền lực rất lớn của nó trong việc chi phối hoạt động kinh tế, thương mại thế giới - là một điều gần như không thể làm khác được. Quyền lực và sức mạnh của WTO lại càng được thể hiện rõ hơn thông qua nhiều hiệp định đặc biệt quan trọng về từng lĩnh vực khác nhau của nó mà sự tuân thủ các hiệp định này có thể làm biến đổi sâu sắc cấu trúc kinh tế, pháp lí của các quốc gia thành viên⁽¹³⁾ như Hiệp định về biện pháp đầu tư liên quan tới thương mại TRIMs (Agreement on Trade-Related Investment Measures), Hiệp định chung về thương mại dịch vụ GATS (General Agreement on Trade in Services) và Hiệp định về các khía cạnh liên quan đến thương mại của quyền sở hữu trí tuệ TRIPS (Agreement on Trade-Related Aspects of Intellectual Property Rights). Đây là những hiệp định vô cùng quan trọng, có vị trí

giống như những “cột trụ” trong số rất nhiều hiệp định được đính kèm của thoả thuận thành lập WTO năm 1994.

Sự thành lập và hoạt động của WTO với những thiết chế riêng của nó có thể được xem như là kết quả tất yếu của quá trình phát triển tương đối lâu dài của tư tưởng toàn cầu hoá và tự do hoá thương mại trong điều kiện mới của các quan hệ kinh tế, chính trị thế giới. Nói cách khác, WTO chính là một sự “quốc tế hoá” ở mức độ rất rộng (toàn cầu) không chỉ các quan hệ kinh tế, thương mại mà còn các quan hệ chính trị giữa hầu hết các quốc gia trên thế giới cùng có quyền ngồi bên bàn các vòng đàm phán khi họ trở thành thành viên của nó.⁽¹⁴⁾ Hầu như mỗi quốc gia trong khung cảnh thế giới ngày nay đều nên, cần và phải dự phần, sẽ chia và đòi hỏi không chỉ các lợi ích mà còn nhiều mối quan tâm khác từ tổ chức kinh tế lớn nhất hành tinh này. Vì vậy, hoạt động của WTO đã thu hút được sự quan tâm và nghiên cứu của rất nhiều nhà kinh tế học, nhà hoạch định chính sách, cũng như của các nhà học giả khác ở khắp nơi trên thế giới. Người ta phân tích, bàn luận và dự đoán rất nhiều về một thế giới “không biên giới”; một thế giới với nét ứng xử mang tính “tương đồng ở mức độ cao nhất”; một thế giới với tính chất như một “xã hội toàn cầu đồng đều, thuần nhất”... mà cột trụ cũng như tâm điểm chính là WTO. Trong thực tế, hoạt động 10 năm qua của WTO cũng đã chứng tỏ sức mạnh của nó, ở mức độ toàn cầu, không chỉ bao hàm sự vạch hướng, sự điều phối kinh tế thế giới mà còn

là bao hàm sự tái cấu trúc nhiều thể chế pháp lí, kinh tế, hành chính của nhiều quốc gia mà không một tổ chức quốc tế nào khác có thể so sánh được. Chẳng hạn, với tên gọi “các nền kinh tế (hoặc các quốc gia) đang trong quá trình chuyển dịch (hoặc chuyển đổi)” (economies in transition hoặc transitional economies) dùng để chỉ Liên bang Nga, các nước xã hội chủ nghĩa Đông Âu cũ và một số nước khác có quá trình dịch chuyển kinh tế từ mô hình tập trung trước kia sang kinh tế thị trường tự do; cũng như để chỉ nhiều nước đang phát triển khác chưa phải là thành viên của WTO đang tuân theo một quy chế riêng của WTO đối với việc ban hành và thực hiện các luật, đặc biệt là luật về quyền sở hữu trí tuệ theo các chuẩn mực tối thiểu được quy định bởi Hiệp định TRIPs của WTO - các nước này đã phải cố gắng rất nhiều trong việc thay đổi nhiều thể chế kinh tế-xã hội của đất nước mình, để có thể đáp ứng các yêu cầu của việc kết nạp thành viên WTO. Tuy vậy, cho đến nay cũng mới chỉ một số ít trong số các nước này đã trở thành thành viên của WTO.

Cho tới thời điểm hiện nay, với 148 thành viên (tính đến 01/2005),⁽¹⁵⁾ trong đó bao gồm tất cả các nước phát triển và nhiều nước đang phát triển, với những quy chế hoạt động và điều kiện kết nạp thành viên vừa chặt chẽ, vừa khắc nghiệt, đặc biệt là đối với các nước nghèo hoặc đang phát triển, người ta lại càng ý thức rõ ràng về một thế giới mà sự kết nối giữa các quốc gia, giữa các khu vực, để cùng chia sẻ những lợi ích và tìm cách hạn chế những

bất lợi, ngày càng trở nên khẩn trọng và thiết yếu hơn bao giờ hết. Sự cố gắng đáp ứng đủ các điều kiện gia nhập để có thể trở thành thành viên của WTO hầu như đã trở thành một trong những yêu cầu nóng bỏng nhất của tất cả các nước trên thế giới. Không một quốc gia nào có đủ sức mạnh để có thể đứng ngoài vòng xoáy của toàn cầu hoá, đứng ngoài “cuộc chơi” với WTO - nơi người ta biết sẽ tạo ra nhiều cơ hội phát triển lớn về đầu tư, về tài chính - tiền tệ, về xuất - nhập khẩu hàng hoá... Đồng thời, người ta cũng biết các vấn đề xung quanh WTO cũng chứa đựng không ít điều bất ổn - khi nó có thể buộc nhiều quốc gia phải có những thay đổi quan trọng trong cấu trúc kinh tế, chính trị, xã hội của mình. Nghĩa là toàn cầu hoá và WTO - trong vai trò tác động và điều phối toàn cầu hoá - không chỉ làm ảnh hưởng trực tiếp tới chủ quyền quốc gia mà còn gián tiếp tới quan hệ giữa quốc gia đó với các công dân của mình khi các cấu trúc kinh tế, chính trị, xã hội có sự thay đổi.⁽¹⁶⁾ Thực tế, ngay từ Hội nghị bộ trưởng các nước thành viên của GATT 1947 tại thành phố Marrakesh của Morocco dẫn đến việc thành lập WTO vào tháng 4/1994 (nên được gọi tắt là GATT 1994), người ta đã biết rằng việc kí kết Hiệp định thành lập WTO cũng như nhiều Hiệp định phụ lục của nó thực chất là sức ép của một số nước công nghiệp phát triển đối với các nước nghèo, đang phát triển hoặc thậm chí nằm trong danh sách các nước kém phát triển nhất thế giới. Nhiều hiệp định phụ lục của WTO như GATS, TRIPs với yêu cầu bắt

buộc các nước thành viên phải đảm bảo tuân thủ, bằng cách đưa vào trong luật pháp của mình hoà hợp với những “chuẩn mực tối thiểu” đã được quy định trong các điều khoản của các hiệp định này - nhằm tạo một “sân chơi” bình đẳng, một sự “tự do hoá thương mại” toàn cầu một cách rộng lớn và triệt để nhất - hầu như chỉ mang lại lợi ích cho các nước công nghiệp hoá giàu có. Trong thực tế, chẳng có mấy nước nghèo hoặc đang phát triển có cơ sở hạ tầng lí tưởng để có thể tham gia vào những hoạt động và mạng lưới dịch vụ quốc tế siêu lợi nhuận, cũng như hiếm có một nước nghèo nào với thu nhập bình quân đầu người thuộc hàng thấp hoặc thậm chí rất thấp của thế giới lại có khả năng tạo ra các sản phẩm trí tuệ đắt giá, để từ đó thu được những khoản tiền khổng lồ từ việc bán các sản phẩm này theo những chuẩn mực bảo hộ tối thiểu của thế giới công nghiệp phát triển. Vì vậy, có thể nói, một số nước công nghiệp phát triển giàu có, thông qua các điều khoản của WTO, đã trở thành người có quyền hợp pháp bán các sản phẩm cao giá hoặc siêu cao giá và các nước khác, trong đó phần lớn là các nước nghèo, kém phát triển lại chính là người thường phải mua các sản phẩm đó, ví dụ, thuốc điều trị bệnh AIDS hoặc các bệnh tử chứng nan y khác. Rõ ràng, cái vòng luẩn quẩn và nghịch lí của sự đói nghèo, của sự khẳng định ngôi thứ quyền lực trong điều kiện phát triển mới của các quan hệ kinh tế, chính trị thế giới chưa hề bộc lộ dấu hiệu của sự đi xuống, nó thậm chí còn được đẩy

lên ở mức độ cao hơn nhiều so với thời kì chiến tranh lạnh trước kia./.

-
- (1, 3, 5, 6). Xem: Maurice Schiff & L. Alan Winters 2003, *Regional Integration and Development*. World Bank & Oxford University Press, Washington, D. C.
- (2).Xem: Christopher Arup 1993, *Innovation, Policy and Law*, Cambridge University Press, Cambridge.
- (4).Xem: Ranjit Gill 1997, *ASEAN Towards the 21st Century*, Asean Academic Press, London.
- (7). Xem: International Forum on Globalization 2002, *Alternatives to Economic Globalization - A Better World is Possible*, Berrett - Koehler Publishers INC, San Francisco.
- (8).Xem: Jan Klabbers 2002, *An Introduction to International Institutional Law*, Cambridge University Press, Cambridge.
- (9). Xem: World Bank 2005, *What is the Bretton Woods Conference*, viewed 06/9/2005, <http://www.worldbank.org>
- (10).Xem: Craig Van Grassek 2001, ‘Why demands on acceding countries increase overtime: A three-dimensional analysis of multinational trade diplomacy’, United Nations, WTO Accessions and Development Policies, New York & Geneva.
- (11).Xem: Zhang Yunling 2000, ‘Liberalization of the Chinese Economy: APEC, WTO and Tariff Reductions’, in Peter Drysdale, Zhang Yunling and Ligang Song (eds), *APEC and Liberalization of the Chinese Economy*, Asia Pacific Press at the Australian National University, Canberra.
- (12).Xem: United Nations World Public Sector Report, *Globalization and the States 2001*, New York & Geneva.
- (13).Xem: Christopher Arup 2000, *The New World Trade Organization Agreements*, Cambridge University Press, Cambridge.
- (14).Xem: Steve Charnovitz 2004, “The WTO and Cosmopolitics”, *Journal of International Economic Law*, Volume 7, Issue 3.
- (15).Xem: World Trade Organization 2005, *Members and Observers*, viewed 8/9/2005, <http://www.wto.org>
- (16).Xem: Brian Galligan, Winsome Roberts & Gabriella Trifiletti 2001, *Australia and Globalization - The Experience of Two Centuries*, Cambridge University Press, Cambridge.